

GÓC NHÌN KHÁC VỀ QUY TRÌNH HIỆP THƯƠNG GIỚI THIỆU ỨNG CỬ VIÊN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

MAI THỊ MAI*

Bầu cử có một vị trí quan trọng trong nền chính trị hiện đại ở tất cả các quốc gia. Ở Việt Nam cũng vậy, với việc thừa nhận quyền lực nhà nước thực chất là quyền lực được nhân dân ủy nhiệm thông qua cuộc bầu cử, bầu cử đã là hình thức tối ưu để công dân Việt Nam lựa chọn các chính trị gia đảm đương các vị trí, các chức danh trong bộ máy nhà nước.

Nhìn chung, các cuộc bầu cử của nước ta đã chứng tỏ được vị trí quan trọng trong đời sống chính trị, góp phần tuyển chọn cho bộ máy nhà nước nhiều chính trị gia có đức, có tài, có khả năng đáp ứng được các nhiệm vụ của sự nghiệp cách mạng trong mỗi thời kỳ. Các cuộc bầu cử cũng cho phép đông đảo nhân dân thể hiện được quyền dân chủ thông qua lá phiếu chọn người đại diện vào các cơ quan quyền lực nhà nước, đã thể hiện ở mức độ nhất định tính dân chủ của chế độ. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, công tác bầu cử ở nước ta vẫn còn nhiều hạn chế, chưa hoàn toàn bảo đảm được quyền dân chủ của người dân trong việc lựa chọn những người đại diện, kiểm soát quyền lực đã ủy nhiệm.

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội (ĐBQH) và đại biểu Hội đồng nhân dân (HĐND) năm 2015 (Luật Bầu cử năm 2015) được

Quốc hội thông qua ngày 25/6/2015 đã quy định nhiều điểm mới về nội dung như: tỷ lệ bắt buộc của ĐBQH là nữ, tỷ lệ bắt buộc của đại biểu là người dân tộc thiểu số, mở rộng cơ hội tham gia bầu cử cho các “cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu ĐBQH và đại biểu HĐND cấp tỉnh...”, quy định cụ thể về vai trò cũng như nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng bầu cử quốc gia - cơ quan lần đầu tiên xuất hiện trong bộ máy nhà nước...

Bên cạnh những điểm mới, có những nội dung về hoạt động bầu cử được kế thừa từ những Luật Bầu cử trước, vẫn còn những nội dung cần được nghiên cứu đánh giá và xem xét lại ở một góc nhìn khác, để hướng tới một cuộc bầu cử khách quan, minh bạch và dân chủ. Một trong những nội dung đó là quy định về quy trình 03 lần hiệp thương để lập danh sách ứng cử viên.

1. Sự hình thành và phát triển của hoạt động hiệp thương trong lịch sử bầu cử ở nước ta

“Hiệp thương” có lẽ là một khái niệm khá khó hiểu đối với phần đông người Việt Nam nếu như họ không tham gia hoặc tìm

* *ThS, Khoa Pháp luật Hành chính - Nhà nước, Trường Đại học Luật Hà Nội.*

1 Xem Điều 29 Luật Bầu cử ĐBQH và Luật Bầu cử đại biểu HĐND năm 2015.

hiểu những vấn đề liên quan đến pháp lý, đặc biệt là quy chế pháp lý về bầu cử. Hiệp thương trong thuật ngữ tiếng Anh được sử dụng là “negotiation”, có nghĩa là đàm phán, thương lượng với nhau. Thuật ngữ “hiệp thương” trong quy trình bầu cử của nước ta được hiểu là giai đoạn đàm phán, thương lượng để thống nhất được danh sách ứng cử viên cuối cùng để cử tri bỏ phiếu lựa chọn ra những người xứng đáng vào vị trí ĐBQH và đại biểu HĐND. Tuy nhiên, có một thực tế là, nhiều công dân nếu không nghiên cứu, tìm hiểu thì họ thậm chí còn không biết là có một giai đoạn gọi là “hiệp thương” trong quy trình bầu cử của nước nhà, và nếu biết đi chẳng nữa, họ cũng sẽ thắc mắc là tại sao lại cần phải có giai đoạn “hiệp thương” để lựa chọn danh sách ứng cử viên cho cuộc bầu cử.

Trong bất kỳ một cuộc bầu cử nào, việc tuyển chọn ứng cử viên luôn là công đoạn hết sức quan trọng, đây được xem là giai đoạn “sơ loại” trước khi được công dân lựa chọn qua lá phiếu. Nếu ứng cử viên không qua được giai đoạn này thì đương nhiên sẽ không có cơ hội trúng cử, vì trong ngày bầu cử, cử tri chỉ lựa chọn những người đã được tuyển chọn ở vòng này. Việc tuyển chọn các ứng cử viên ở đa số các quốc gia trên thế giới là công việc của đảng phái chính trị. Thể chế chính trị ở các nước XHCN nói chung và của Việt Nam nói riêng là thể chế chính trị nhất nguyên. Với tính chất là *tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân, các giai tầng trong xã hội*, công việc tuyển lựa các ứng cử viên ở Việt Nam được giao cho Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam. Trong điều kiện nước ta hiện nay, cách làm này cũng có những mặt tích cực nhất định, nhưng hiện nay, hiệp thương còn nặng về “hợp thức hóa” sự chỉ đạo, định hướng từ cấp trên.

Nhìn chung, cử tri ở cơ sở bị rơi vào tình thế bị động, không được giới thiệu người mình tin nhiệm².

Trong lịch sử, có thể thấy, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vào ngày 6/01/1946 chưa xuất hiện giai đoạn “hiệp thương” này. Theo Sắc lệnh số 51 ban hành ngày 17/10/1945 do Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa ban hành để nhằm ấn định thể lệ tổng tuyển cử, thì: Danh sách ứng cử viên do Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh (hay thành phố) phụ trách lập nên (Điều 10) và chậm nhất là 15 ngày trước ngày bỏ phiếu, người ứng cử phải “gửi thẳng lên UBND tỉnh (hay thành phố) nơi mà mình ra ứng cử, đơn ứng cử (có ghi rõ địa chỉ) kèm theo một tờ giấy của UBND địa phương (nguyên quán hoặc nơi trú ngụ) chứng nhận là đủ điều kiện ứng cử” (Điều 11); người ứng cử được tự do ứng cử nơi mình chọn lấy nhưng chỉ một nơi ấy thôi (Điều 12); và chậm nhất 12 ngày trước ngày bầu cử, UBND tỉnh (hay thành phố) phải niêm yết danh sách những người ứng cử tại các nơi công cộng ở tỉnh lỵ hoặc ở thành phố. Tên trong danh sách xếp theo thứ tự a, b, c...(Điều 14); chậm nhất là 5 hôm trước ngày bầu cử, danh sách các người ứng cử đã phải tới tay các UBND làng hay khu phố để được yết ngay lên những nơi công cộng (Điều 15)... Như vậy, trong cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên, tất cả công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, có đủ các điều kiện của ứng cử viên theo quy định, có đơn ứng cử, gửi lên UBND địa phương (tỉnh hoặc thành phố) là đều có tên trong danh sách ứng cử mà không cần phải qua thủ tục “sơ loại” như hiện nay.

Đến Luật Bầu cử ĐBQH năm 1959, vẫn chưa có nội dung ghi nhận quy trình “hiệp thương” trong tiến trình bầu cử. Điều 24 Luật Bầu cử ĐBQH năm 1959 quy định: “Ở

2 Xem Phan Xuân Sơn, *Thực trạng và giải pháp đổi mới công tác bầu cử của nước ta*; Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 4 (97), tháng 4/2007, tr. 5 -8.

mỗi đơn vị bầu cử, các chính đảng, các đoàn thể nhân dân có thể riêng biệt hoặc liên hiệp với nhau mà giới thiệu người ứng cử. Cá nhân có quyền tự ứng cử”. Nội dung này cũng được kế thừa tương đối đầy đủ và trọn vẹn trong Pháp lệnh Bầu cử đại biểu HĐND năm 1961, theo đó: “Mỗi khi có cuộc bầu cử đại biểu HĐND, các chính đảng, các đoàn thể nhân dân có thể riêng biệt hoặc liên hiệp giới thiệu người ra ứng cử. Cá nhân có quyền tự ra ứng cử”³. Như vậy, Luật Bầu cử ĐBQH năm 1959 và Pháp lệnh Bầu cử năm 1961, bên cạnh việc tiếp tục ghi nhận quyền “tự ứng cử” của các cá nhân thì có thêm nội dung ghi nhận “các chính đảng, các đoàn thể nhân dân có thể riêng biệt hoặc liên hiệp với nhau để giới thiệu người ứng cử”.

Năm 1980, lần đầu tiên thuật ngữ “hiệp thương” được đưa vào trong nội dung của Luật Bầu cử, tại Điều 26 Luật Bầu cử ĐBQH năm 1980: “Ở mỗi đơn vị bầu cử, Ủy ban MTTQ Việt Nam kết hợp việc tham khảo ý kiến của tập thể nhân dân lao động ở cơ sở với việc *hiệp thương* với các chính đảng, các đoàn thể nhân dân để giới thiệu danh sách những người ứng cử”. Nội dung này tiếp tục được ghi nhận trong Luật Bầu cử HĐND năm 1989: “...Ủy ban MTTQ ở địa phương *tổ chức hiệp thương* để thỏa thuận tỷ lệ số lượng người ứng cử đại biểu HĐND các cấp cho các tập thể cử tri ở cơ sở, các tổ chức xã hội, các đơn vị Quân đội nhân dân”.

Như vậy là từ Luật Bầu cử ĐBQH năm 1980 và Luật Bầu cử đại biểu HĐND năm 1989 cho đến văn bản quy phạm pháp luật hợp nhất hai văn bản trên và là văn bản về pháp luật bầu cử mới nhất hiện nay là Luật Bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND năm 2015, tiếp tục ghi nhận quy trình hiệp thương

và vai trò của MTTQ Việt Nam trong hoạt động này: “MTTQ Việt Nam tổ chức hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử ĐBQH và đại biểu HĐND các cấp...”⁴

Có rất nhiều quan điểm lý giải cho việc xuất hiện quy định của pháp luật bầu cử về quy trình “hiệp thương” là một thủ tục trong việc lựa chọn, giới thiệu người ra ứng cử, cũng như vai trò của MTTQ Việt Nam trong hoạt động hiệp thương từ giai đoạn Luật Bầu cử ĐBQH năm 1980 và Luật Bầu cử đại biểu HĐND năm 1989. Có thể lý giải một cách tương đối cho những vấn đề trên như sau:

- *Vì sao xuất hiện giai đoạn “hiệp thương” trong bầu cử ở nước ta?*

Ở bất kỳ quốc gia nào, dù dân chủ đến mấy cũng không thể để hàng ngàn, hàng vạn ứng cử viên trong danh sách để cử tri đi bầu được. Do đó, chế độ bầu cử nào cũng phải “sơ tuyển” trước khi lên danh sách chính thức để cử tri lựa chọn. Đây là giai đoạn quan trọng và phức tạp. Mỗi chế độ lại áp dụng những phương thức khác nhau vì nó còn phụ thuộc vào rất nhiều các yếu tố như thể chế chính trị, tập quán, truyền thống... Nếu như ở các quốc gia đa nguyên, công tác sơ loại cho bầu cử chủ yếu thông qua các đảng phái chính trị: “Một trong những chức năng quan trọng nhất của các đảng phái chính trị là tuyển chọn và giới thiệu các ứng cử viên trong bầu cử”⁵. Ở Việt Nam, với đặc thù là chế độ đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng Cộng sản, hơn thế nữa, với sự đa dạng về các thành phần dân tộc, các tầng lớp... nên giai đoạn “sơ loại” này được xây dựng dưới hình thức “hiệp thương”: *đàm phán, thương lượng để đạt được danh sách ứng cử viên cuối cùng* trước khi đưa ra để cử tri lựa chọn.

3 Điều 25, Pháp lệnh Bầu cử Đại biểu HĐND năm 1961.

4 Xem khoản 5 Điều 4 Luật Bầu cử ĐBQH và Luật Bầu cử đại biểu HĐND năm 2015.

5 Xem, PGS, TS. Vũ Văn Nhiêm, “Quyền bầu cử, quyền ứng cử, hiệp thương giới thiệu người ứng cử, vận động bầu cử”, Đề tài cấp Bộ: “Cơ sở lý luận và thực tiễn đổi mới chế độ bầu cử ở Việt Nam hiện nay” do GS, TS. Thái Vĩnh Thắng làm chủ nhiệm.

Nhìn vào lịch sử, có thể thấy, riêng giai đoạn 1946 -1959, được coi là giai đoạn bầu cử “tự do” nhất theo nghĩa: i) nguyên tắc bầu cử tự do được ghi nhận trong Hiến pháp; ii) tất cả các công dân Việt Nam đủ điều kiện ghi nhận trong Hiến pháp là có thể tham gia bầu cử và ứng cử mà không cần vượt qua bất kỳ vòng sơ loại nào. Có thể hiểu rằng, sau khi Việt Nam tuyên bố với thế giới về sự ra đời của một quốc gia dân chủ cộng hòa đầu tiên trong khu vực Đông Nam Á, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như Đảng ta muốn cho người dân được “sống” trong một nền dân chủ đúng nghĩa, nền dân chủ mà đã tốn bao nhiêu xương máu của người dân mới đánh đổi được. Bước sang giai đoạn 1959 -1980, Hiến pháp năm 1959, tại Điều 5 không còn ghi nhận nguyên tắc bầu cử “tự do” mà thay vào đó là nguyên tắc bầu cử “bình đẳng”. Luật Bầu cử Quốc hội năm 1959 và Pháp lệnh Bầu cử HĐND năm 1961 đã cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp 1959 về bầu cử, hơn thế nữa trong nội dung của các văn bản này đã xuất hiện quy định về việc “liên hiệp với nhau mà giới thiệu người ứng cử” bên cạnh quy định “cá nhân có quyền tự ứng cử”. Điều này được lý giải rằng, trong giai đoạn lịch sử này, nhiệm vụ chiến lược của nước ta là xây dựng, bảo vệ miền Bắc và dốc lực, dốc sức cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trong điều kiện chiến tranh ác liệt như vậy, việc hạn chế một số quyền tự do, dân chủ, trong đó có tự do trong bầu cử (hạn chế hơn so với giai đoạn trước) để thực hiện các nhiệm vụ chiến lược là cần thiết⁶. Từ giai đoạn 1980, đất nước đã thống nhất, hoàn cảnh kinh tế - chính trị cũng thay đổi nên có nhiều sự thay đổi trong các quy định của pháp luật về bầu cử. Từ Luật Bầu cử ĐBQH

năm 1980 và Luật Bầu cử đại biểu HĐND năm 1989 đến nay, quy định “hiệp thương” trở thành một giai đoạn trong quy trình bầu cử. Có ý kiến cho rằng, hiệp thương chỉ là *giải pháp tuyển chọn ứng cử viên mang tính tình thế*⁷, ý kiến này có lẽ xuất phát từ việc cho rằng, sau thời điểm thống nhất đất nước, để đảm bảo tỷ lệ đại diện của cả hai miền Bắc - Nam, đại diện của các đồng bào dân tộc anh em, đại diện của các tầng lớp khác nhau trong xã hội nên Luật Bầu cử ĐBQH năm 1980 đã quy định như vậy.

Cùng với yếu tố đặc thù về mặt thể chế, thì yếu tố về mặt lịch sử như đã phân tích trên đã đưa đến việc tiếp tục kế thừa và ghi nhận “hiệp thương” như là một giai đoạn bắt buộc trong bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND các cấp ở Việt Nam.

- Giải thích về vai trò của MTTQ Việt Nam trong hoạt động hiệp thương

Theo quy định của Hiến pháp, MTTQ Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài⁸, là bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân.

Với vị trí và vai trò như vậy, chức năng bao trùm nhất, quan trọng nhất của MTTQ Việt Nam chính là xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Nhiệm vụ cụ thể của MTTQ Việt Nam là vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đồng thời tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì

6 Xem PGS, TS. Vũ Văn Nhiêm, *ttđđ*.

7 Xem: Trần Thanh Hương, *Hiệp thương và tác động của hiệp thương đến việc phát huy tính tích cực của công dân trong thực hiện quyền bầu cử*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 4/2007.

8 Xem: Khoản 1 Điều 9 Hiến pháp năm 2013.

nhân dân. Trong nhiệm vụ tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam thì nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là tham gia công tác bầu cử ĐBQH, đại biểu HĐND⁹. Có thể nói, vai trò của MTTQ Việt Nam trong cuộc bầu cử nói chung và trong giai đoạn hiệp thương nói riêng là rất quan trọng. Câu hỏi đặt ra là, tại sao lại trao cho MTTQ Việt Nam vai trò chủ đạo trong công việc “sơ loại”, lựa chọn ra các ứng cử viên cuối cùng đưa vào danh sách chính thức? Để có thể trả lời được điều này, chúng ta cần nhìn vào lịch sử hình thành và phát triển của MTTQ Việt Nam¹⁰.

MTTQ Việt Nam là một tổ chức có lịch sử gắn liền với quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất nước nhà. Giữa những năm 1930 - 1931, lúc cao trào cách mạng đầu tiên do Đảng lãnh đạo mà đỉnh cao là phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh đang diễn ra sôi nổi và rầm rộ trong cả nước, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 10/1930 đã nêu rõ sự cấp thiết phải thành lập Mặt trận Thống nhất phản đế. Ngày 18/11/1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã ra Chỉ thị thành lập *Hội Phản đế đồng minh* - hình thức đầu tiên của MTTQ Việt Nam.

Tuy ở mỗi thời kỳ khác nhau có những hình thức và tên gọi khác nhau, nhưng MTTQ Việt Nam luôn là nơi tập hợp các giai tầng trong xã hội vì những mục tiêu lớn của dân tộc. Những mốc son quan trọng thể hiện vai trò của MTTQ Việt Nam trong lịch sử cách mạng phải kể đến, đó là việc thành lập cũng như vai trò của Mặt trận Việt Minh - một tổ chức tiền thân của MTTQ trong giai đoạn đấu tranh giành độc lập dân tộc. Năm 1940, quân Nhật kéo vào Đông Dương, thực

dân Pháp đầu hàng và làm tay sai cho phát xít Nhật. Tại Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8, theo đề nghị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Mặt trận Dân tộc thống nhất chống phát xít Pháp - Nhật với tên gọi Việt Nam Độc lập đồng minh gọi tắt là Việt Minh đã ra đời ngày 19/5/1941 lấy cờ đỏ sao vàng năm cánh làm cờ của Việt Minh và làm cờ Tổ quốc “khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà”. Mặt trận Việt Minh thu hút được mọi giới đồng bào yêu nước, từ công nhân, nông dân, trí thức, tiểu tư sản đến tư sản dân tộc, phú nông và một số địa chủ nhỏ có tinh thần yêu nước, đưa tới cao trào đánh Pháp, đuổi Nhật của toàn dân ta trong những năm 1941-1945. Mặt trận Việt Minh là một trong những nhân tố cơ bản bảo đảm cho cách mạng thành công.

Kháng chiến chống Pháp thành công, chúng ta bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ nhằm thống nhất nước nhà. Cách mạng Việt Nam lúc này có hai nhiệm vụ chiến lược là tiến hành cách mạng XHCN ở miền Bắc đã được hoàn toàn giải phóng và hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện thống nhất đất nước. Trong bối cảnh đó, ngày 10/9/1955, MTTQ Việt Nam ra đời với mục đích đoàn kết mọi lực lượng dân tộc và dân chủ, đấu tranh đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Mặt trận đã tích cực góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân, ra sức động viên nhân dân tham gia bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp, xây dựng chính quyền cách mạng, phát triển sản xuất, xây dựng kinh tế, thực hiện nếp sống mới, xây dựng con người mới.

Sau khi cả nước đã được độc lập, sự

9 Xem: Trần Ngọc Nhân, “Một số giải pháp đổi mới công tác hiệp thương người ứng cử ĐBQH, đại biểu HĐND - cơ sở lý luận và thực tiễn”. <http://mattran.org.vn/home/TapChi/so%2084/khmt.htm>, tra cứu ngày 24/4/2016.

10 Xem: Lịch sử MTTQ Việt Nam, tại website: <http://mattran.org.vn/Home/GioithieuMT/mtdttt9.htm>, tra cứu ngày 24/4/2016.

11 Xem Luật Bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND năm 2015.

thống nhất và toàn vẹn của một quốc gia đòi hỏi phải hợp nhất các tổ chức mặt trận. Nhằm đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới, Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất họp từ 31/1 đến 4/2/1977 tại thành phố Hồ Chí Minh đã thống nhất ba tổ chức Mặt trận ở hai miền Nam Bắc nước ta thành một tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất duy nhất lấy tên là MTTQ Việt Nam. Sự thống nhất ba tổ chức mặt trận, lấy tên gọi là MTTQ Việt Nam là nhằm phục vụ cho nhiệm vụ của thời kỳ cách mạng mới, khi đất nước đã hoàn toàn thống nhất, và điều này cũng đưa đến vai trò của MTTQ được thể hiện rõ nét hơn thông qua quy định về “hiệp thương” trong Luật Bầu cử ĐBQH năm 1980. Với tư cách là đại diện cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc, MTTQ Việt Nam sẽ là chủ thể xứng đáng nhất để đóng vai trò quan trọng trong quá trình “sơ loại”, lập ra danh sách ứng cử viên chính thức cho các cuộc bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND.

Theo quy định của Luật Bầu cử năm 2015 và Nghị quyết liên tịch “Hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu ứng cử ĐBQH khóa XIV, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021” của Ủy ban thường vụ Quốc hội (UBTVQH), Chính phủ, Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương MTTQ Việt Nam, quy trình Hiệp thương vẫn trải qua ba bước cơ bản, cụ thể¹¹:

- Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất: Do MTTQ chủ trì, thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giới thiệu ứng cử viên. Sau đó, các cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người của mình ra ứng cử.

- Hội nghị hiệp thương lần thứ hai: MTTQ lập danh sách sơ bộ những người

ứng cử, gửi lấy ý kiến cử tri nơi cư trú (và cả nơi làm việc đối với người tự ứng cử). Sau đó, Hội nghị cử tri nơi công tác và cư trú của ứng cử viên được tổ chức, cho ý kiến về ứng cử viên.

- Hội nghị hiệp thương lần thứ ba: MTTQ lập danh sách chính thức những người ra ứng cử. Tuy nhiên, ở Hội nghị hiệp thương lần này, không có mặt các ứng cử viên.

Có thể hiểu mục đích của hiệp thương là qua Hội nghị được chủ trì bởi MTTQ - tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của đông đảo các tổ chức, cá nhân người Việt Nam - danh sách ứng cử viên được đưa ra thương lượng, thỏa thuận bước đầu để lựa chọn danh sách ứng cử viên, đảm bảo danh sách những người ứng cử đủ tiêu chuẩn, bảo đảm cơ cấu đại biểu để Quốc hội, HĐND đại diện cho nhân dân cả nước và cho từng địa phương¹². Tuy nhiên, sau mỗi lần hiệp thương, biên bản của Hội nghị hiệp thương sẽ chuyển lên UBTVQH, và UBTVQH sẽ tiến hành điều chỉnh như quy định của Luật Bầu cử năm 2015¹³.

2. Tác động không mong muốn từ quy trình “hiệp thương” theo quy định của pháp luật bầu cử hiện nay

Để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời lựa chọn được những người tiêu biểu, đại diện cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, theo quy định của pháp luật bầu cử hiện hành, các hội nghị hiệp thương sẽ được tiến hành giới thiệu người ứng cử.

Theo quy định của pháp luật, công dân Việt Nam chỉ cần có đủ năm tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật¹⁴ là đều có thể ứng cử. Nhìn chung, những tiêu chuẩn này là những quy định định tính một cách chung

12 Xem Trần Thanh Hương, *Hiệp thương và tác động của hiệp thương đến việc phát huy tính tích cực của công dân trong thực hiện quyền bầu cử*, *tlđđ*, tr. 10.

13 Xem Điều 45, Điều 47 Luật Bầu cử ĐBQH và Luật Bầu cử đại biểu HĐND năm 2015.

14 Xem Điều 22, Luật Tổ chức Quốc hội 2014.

chung và khá “rộng rãi”¹⁵. Pháp luật bầu cử nước ta cũng không quy định các ứng cử viên phải “đặt cược” tiền hoặc tài sản, cũng không cần phải thu thập chữ ký hay các biện pháp đăng ký nào khác để có thể được vào danh sách ứng cử. Nhưng thực tế, đối với các ứng cử viên tự do (tự ứng cử) để trở thành ứng cử viên chính thức, họ phải phụ thuộc hoàn toàn vào kết quả của ba vòng hiệp thương. Và quy trình này đang “vô tình” đưa đến một số tác động không mong muốn, ảnh hưởng đến công tác bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND.

Thứ nhất, nếu cho rằng, hiệp thương là để nhằm đảm bảo các ứng cử viên có đủ tiêu chuẩn thì không hoàn toàn chính xác, bởi lẽ các trường hợp bị hạn chế quyền ứng cử đã được ghi nhận trong luật. Như vậy, về mặt nguyên tắc, ứng cử viên chỉ cần không rơi vào các trường hợp được nêu trong Luật Bầu cử năm 2015 thì hoàn toàn có thể được ghi tên trong danh sách ứng cử viên, và chủ thể duy nhất có quyền quyết định xem họ có trúng cử hay không là cử tri. Vì vậy, ở khía cạnh này có thể nói rằng, quy trình “hiệp thương” đang vô tình làm hạn chế đi việc thực hiện quyền tự do ứng cử của công dân.

Thứ hai, vì quy trình hiệp thương phải trải qua ba vòng khác nhau, nên dễ phát sinh tâm lý ngại ra tự ứng cử của công dân¹⁶. Công dân thấy rằng, để có thể có tên trong danh sách ứng cử viên chính thức, họ phải trải qua nhiều bước và quy trình phức tạp. Và hơn thế nữa, thực tế đã có những người bị loại khỏi danh sách mà không có lý do cụ thể và thuyết phục (đặc biệt trong vòng hiệp thương thứ ba, người tự ứng cử không được có mặt trực tiếp trong vòng hiệp thương), dù họ rất xứng đáng. Thực trạng này sẽ không khuyến khích được những người có tài, có

đức tham gia ứng cử để phục vụ nhân dân trong các cơ quan đại diện của dân.

Thứ ba, việc ứng cử viên qua được ba vòng hiệp thương do MTTQ tổ chức để có thể ghi tên mình vào danh sách ứng cử viên chính thức có vẻ quá vất vả và phức tạp, nhưng vô hình chung lại đang khiến cho hoạt động bầu cử trở nên hình thức. Bởi lẽ, trong cử tri sẽ xuất hiện tâm lý cho rằng, những người đã qua được ba vòng hiệp thương đều là những người đủ tiêu chuẩn, xứng đáng về tài năng cũng như đạo đức, nên lúc này, ai trúng cử cũng được, cử tri sẽ không còn quan tâm nữa, vì ai trúng cử cũng đều xứng đáng hết, họ đều đã được MTTQ xem xét, đánh giá và kết luận thông qua ba vòng hiệp thương rồi. Quan niệm này sẽ làm giảm ý thức, trách nhiệm chính trị của cử tri trong việc giám sát và lựa chọn đại biểu, và cũng khiến cho cử tri không quan tâm đến việc ai trúng cử, từ đó thờ ơ với chính hoạt động bầu cử - hoạt động mà lẽ ra tiếng nói của cử tri phải là tiếng nói quyết định cuối cùng.

Pháp luật bầu cử hiện nay đã khuyến khích công dân tự do ứng cử, nhưng các thủ tục để thực hiện quyền tự do ứng cử vẫn chưa thực sự đảm bảo được tính dân chủ và tính cạnh tranh. Các hạn chế trong công tác bầu cử là một trong những nguyên nhân quan trọng làm giảm chất lượng hoạt động của các cơ quan đại diện của nhân dân (Quốc hội, HĐND). Trong công cuộc đổi mới hiện nay, trước yêu cầu của dân chủ hóa, xây dựng nhà nước pháp quyền và xã hội công dân, công tác bầu cử nước ta vẫn còn bộc lộ nhiều điểm bất cập, và cần có sự đổi mới, nhằm làm cho quá trình xây dựng một nhà nước “của dân, do dân, vì dân” ngày càng trở thành hiện thực ■

15 Xem Bùi Ngọc Thanh, *Cuộc bầu cử ĐBQH khóa XII - Những vấn đề từ thực tiễn*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 7 (103), tháng 7/2007, tr.16 - 22.

16 Xem Trần Thanh Hương, *Hiệp thương và tác động của hiệp thương đến việc phát huy tính tích cực của công dân trong thực hiện quyền bầu cử, tđđ*.